

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 211/2024/DS-ST

Ngày 10 – 9 – 2024

V/v tranh chấp HĐ về hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Việt Khái

2. Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 348/2024/TLST-DS, ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng về hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân Hưng T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2.2. Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1987 và chị Võ Cẩm V, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân Hưng T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2.3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp Tân N, xã Rạch C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) trình bày:

Bà có tham chơi hội do ông Huỳnh Văn Đ và anh Huỳnh Văn L làm chủ, cụ thể:

Dây thứ nhất, ông Đ mở hội vào ngày 06/01/2021 âm lịch, dây hội 500.000 đồng, hội khai tháng 02 lần vào các ngày 06, 21 hàng tháng, hội có 100 chân, bà tham gia chơi 03 chân và mua 03 chân. Quá trình chơi hội, bà đóng hội sống đến kỳ thứ 80 đến kỳ thứ 81 nhằm ngày 06/4/2024 âm lịch, ông Đ khai hội nhưng tuyên bố đình hội nên bà không đóng hội sống ở kỳ này. Trong dây hội này, bà

chưa hót chân nào nên đối với 03 chân hội bà trực tiếp chơi, ông Đ nợ bà số tiền 120.000.000 đồng, trừ tiền cò mỗi chân là 350.000 đồng thì ông Đ còn nợ bà số tiền 118.950.000 đồng. Đối với 03 chân hội mua, bà chỉ tính giá mua, không tính lãi, mỗi chân mua với giá 35.000.000 đồng, 03 chân ông Đ nợ bà số tiền 105.000.000 đồng. Tổng số tiền trong dây hội này, ông Đ nợ bà số tiền 223.950.000 đồng.

Dây thứ hai, mở ngày 10/5/2021 âm lịch, ông Đ mở dây hội 500.000 đồng, hội khai tháng 02 lần vào các ngày 10, 25 hàng tháng, hội có 73 chân, bà tham gia chơi 01 chân. Quá trình chơi hội, bà đã đóng hội sống đến kỳ thứ 72 đến kỳ 73 nhằm ngày 10/4/2024 âm lịch là mãn hội nhưng ông Đ không chung hội nên trong dây hội này, ông Đ nợ bà số tiền 36.000.000 đồng, trừ tiền cò 350.000 đồng thì ông Đ còn nợ bà số tiền 35.650.000 đồng.

Dây thứ ba, mở ngày 15/10/2021 âm lịch, ông Đ mở dây hội 1.000.000 đồng, hội khai tháng 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng, hội có 63 chân, bà tham gia chơi 03 chân. Quá trình chơi hội, bà chưa hót chân nào và đã đóng hội sống đến kỳ thứ 60 thì hội mãn với số tiền là 180.000.000 đồng nhưng ông Đ chỉ chung được 60.000.000 đồng còn lại 120.000.000 đồng chưa chung, trừ tiền cò mỗi chân 700.000 đồng thì ông Đ nợ bà số tiền 117.900.000 đồng.

Dây thứ tư, ông Đ mở hội vào ngày 10/01/2023 âm lịch, dây hội 1.000.000 đồng, hội khai tháng 02 lần vào các ngày 10, 25 hàng tháng, hội có 65 chân, bà tham gia chơi 03 chân và mua 04 chân. Quá trình chơi hội, bà đóng hội sống đến kỳ thứ 32 đến kỳ thứ 33, ông Đ khai hội nhưng tuyên bố đình hội nên bà không đóng hội sống ở kỳ này. Trong dây hội này, bà chưa hót chân nào nên đối với 03 chân hội bà trực tiếp chơi, ông Đ nợ bà số tiền 96.000.000 đồng, trừ tiền cò mỗi chân là 700.000 đồng thì ông Đ còn nợ bà số tiền 93.900.000 đồng. Đối với 03 chân hội mua, bà chỉ tính giá mua, không tính lãi, 04 chân ông Đ nợ bà số tiền 174.550.000 đồng. Tổng số tiền trong dây hội này, ông Đ nợ bà số tiền 268.450.000 đồng.

Dây thứ năm, anh L mở hội vào ngày 15/4/2023 âm lịch, dây hội 1.000.000 đồng, hội khai tháng 02 lần vào các ngày 10, 25 hàng tháng, hội có 58 chân, bà tham gia chơi 01 chân và mua 02 chân. Quá trình chơi hội, bà đóng hội sống đến kỳ thứ 24 đến kỳ thứ 25, ông Đ khai hội nhưng tuyên bố đình hội nên bà không đóng hội sống ở kỳ này. Trong dây hội này, bà chưa hót chân nào nên đối với 01 chân hội bà trực tiếp chơi, ông Đ nợ bà số tiền 24.000.000 đồng, trừ tiền cò 700.000 đồng thì ông Đ còn nợ bà số tiền 23.300.000 đồng. Đối với 02 chân hội mua, bà chỉ tính giá mua, không tính lãi, 02 chân anh L nợ bà số tiền 78.600.000 đồng. Tổng số tiền trong dây hội này, anh L nợ bà số tiền 101.900.000 đồng.

Dây thứ sáu, mở ngày 10/01/2024 âm lịch, ông L mở dây hội 1.000.000 đồng, hội khai tháng 02 lần vào các ngày 10, 25 hàng tháng, hội có 50 chân, bà tham gia chơi 01 chân. Quá trình chơi hội, bà chưa hót hội và đã đóng hội sống đến kỳ thứ 6 nhưng đến kỳ thứ 7, anh L tuyên bố đình hội. Trong dây hội này, trừ tiền cò 700.000 đồng thì anh L còn nợ bà số tiền là 5.300.000 đồng.

Trong cả sáu dây hội trên, tuy đề tên ông Đ và anh L làm chủ nhưng thực tế, trong các dây hội này, cả hai cùng mở hội chung và có trách nhiệm chung đối với

các hội viên. Trong quá trình giao dịch, chị V là vợ anh L là người đi gom tiền hội cho ông Đ, anh L còn bà C là vợ của ông Đ và việc ông Đ, anh L mở hội mục đích để sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình. Do đó, bà yêu cầu ông Đ cùng bà C, chị V và anh L cùng có trách nhiệm trả cho bà hết một lần số tiền hội còn nợ là 753.150.000 đồng (bảy trăm năm mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) mà không tách trách nhiệm riêng lẻ của ông Đ, anh L theo từng dây hội. Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì khác.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn Đ (bị đơn) trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về thời gian mở hội, thời gian khai hội, loại hội, số hội viên tham gia và số dây hội, số chân hội còn sống, hội mua mà bà T tham gia, thời gian đình hội và số kỳ hội bà T đóng hội trong sáu dây hội là đúng. Tại tòa, ông Đ thừa nhận ông cùng anh L có nợ bà T tổng số tiền 753.150.000 đồng nhưng trong số tiền trên, ông cùng anh L xin trả lại bằng số tiền thực đóng đối với những chân hội bà T trực tiếp chơi với số tiền đã góp là 185.244.000 đồng và đồng ý với việc bà T chỉ tính hội mua bằng với giá tại thời điểm mua hội là 457.890.000 đồng. Tổng số tiền ông cùng anh L đồng ý trả cho bà T là 643.134.000 đồng nhưng do đang gặp khó khăn, nên xin chậm lại chờ ông bán được đất sẽ thanh toán cho bà T số tiền còn nợ nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2024 và biên bản ghi ý kiến ngày 06/9/2024, bà Nguyễn Thị C (bị đơn) trình bày:

Bà với ông Huỳnh Văn Đ là vợ chồng, nhưng trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp nên cả hai quyết định sống ly thân mà không khởi kiện ra Tòa để giải quyết ly hôn và bà với ông Đ đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, cuộc sống nạnh ai nấy lo nên việc ông Đ cùng con trai là Huỳnh Văn L tổ chức mở hội thì bà không biết, bà không biết ông Đ, anh L mở bao nhiêu dây hội, mở vào thời gian nào, có bao nhiêu người chơi và bà cũng không tham gia cùng ông Đ, anh L đi gom hội hay chung hội cho hội viên. Từ khi sống ly thân, bà chung sống cùng mẹ ruột và tự làm, tự lo cho bản thân chứ không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông Đ, anh L. Do đó, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà cùng với ông Đ, anh L và chị V có trách nhiệm trả tiền hội cho bà T thì bà không đồng ý, bà không có trách nhiệm gì trong giao dịch hội với bà T cũng như các hội viên khác và xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2024, anh Huỳnh Văn L (bị đơn) trình bày:

Anh thừa nhận việc bà T có tham gia chơi và mua hội trong các dây hội trên. Nay anh đồng ý trả số tiền hội mua và hội bà T trực tiếp chơi với số tiền là 643.134.000 đồng. Hiện do tình trạng sức khỏe không được tốt, điều kiện đi lại khó khăn nên anh L xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2024 và biên bản ghi ý kiến ngày 06/9/2024, chị Võ Cẩm V (bị đơn) trình bày:

Chị có biết việc cha chồng là ông Huỳnh Văn Đ cùng chồng là anh Huỳnh Văn L mở hội và biết có bà Nguyễn Thị T tham gia chơi hội nhưng không biết bà T tham gia bao nhiêu chân hội. Quá trình giao dịch hội giữa ông Đ, anh L với

bà T thì chị không tham gia giao dịch, không đi gom tiền hội, không trực tiếp thỏa thuận hay đối chiếu nợ với bà T. Nay bà T khởi kiện chị cùng ông Đ, anh L và bà C cùng có trách nhiệm trả nợ hội thì chị không đồng ý và xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, anh Huỳnh Văn L cùng chị Võ Cẩm V và bà Nguyễn Thị C (bị đơn) đã có lời khai và có ý kiến xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt trên và tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng về hội. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hội, bị đơn đã đình hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền hội đã góp, tiền hội đã mua cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mở các dây hội vào ngày 06/01/2021 (âm lịch viết tắt AL), ngày 10/5/2021 (AL), ngày 15/10/2021 (AL), ngày 10/01/2023 (AL), ngày 15/4/2023 (AL) và ngày 10/01/2024 (AL), giữa các đương sự tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hội viên, được các đương sự thừa nhận về thời gian mở hội, thời gian khai hội, loại hội, số hội viên tham gia, số chân hội nguyên đơn tham gia, số kỳ hội nguyên đơn đã đóng hội, số chân hội nguyên đơn đã mua và thời gian bị đơn đình hội là sự thật nên không phải chứng minh.

[4] Xét thấy việc bị đơn yêu cầu trả số tiền thực tế nguyên đơn đã đóng trong các dây hội nêu trên là chưa có cơ sở bởi các dây hội trên bị đơn tuyên bố đình hội, không phải là vỡ hội. Dù rằng bị đơn cung cấp danh sách từng kỳ hội khai, số tiền hội bỏ, hội đóng của từng kỳ nhưng danh sách này được lập khi các hội việc thực hiện việc khởi kiện. Hơn nữa, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh từng kỳ khai hội, họ tên hội viên ở từng kỳ hốt hội nên chưa đủ cơ sở xác định số tiền thực đóng của nguyên đơn đúng với số tiền bị đơn trình bày trong khi bị đơn thừa nhận khi bị đơn tuyên bố đình hội, một số hội viên đã hốt hội phải đóng lại hội chết đã cùng với một số hội viên có hội còn sống và bị đơn thỏa thuận thống nhất đối trừ số tiền hội chết phải đóng lại cho bị đơn để trả cho hội viên còn hội sống, riêng một số hội viên còn nợ tiền hội chết bị đơn sẽ khởi kiện đòi lại số tiền hội chết chưa đóng để trả cho các hội viên khác. Do đó, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hội sống bằng với số tiền hội chết là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm thanh toán nợ, các dây hội mở ngày 06/01/2021 (AL), ngày 10/5/2021 (AL), ngày 15/10/2021 (AL), ngày 10/01/2023 (AL) do ông Huỳnh Văn Đ làm chủ còn dây hội mở ngày 15/4/2023 (AL) và ngày 15/4/2023 (AL) do anh Huỳnh Văn L làm chủ nhưng cả hai dây hội này thực tế cả hai cùng làm chủ, cùng có trách nhiệm với hội viên nên trong dây hội của ông Đ làm chủ, anh L cũng có quyền thỏa thuận việc mua bán hội với nguyên đơn và tại phiên tòa, ông Đ cũng thống nhất cùng liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, ông Đ và anh L cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hội cho nguyên đơn mà không phải phân định nghĩa vụ trả nợ riêng lẻ của từng người theo từng dây hội là có căn cứ.

Đối với bà Nguyễn Thị C, tuy nguyên đơn có yêu cầu bà C cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hui nêu trên nhưng nguyên đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ để chứng minh quá trình giao dịch hui bà C có tham gia giao dịch cùng ông Đ, anh L, chị V và nguyên đơn trong khi bà C không thừa nhận, không đồng ý trả nợ. Mặc dù, bà C với ông Đ là vợ chồng nhưng trên thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo nên việc nguyên đơn yêu cầu bà C cùng có trách nhiệm trả nợ là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

Riêng chị Võ Cẩm V là vợ anh L, sống cùng nhà với ông Đ, anh L và việc anh L, ông Đ mở hui chị có biết. Tuy chị không tham gia gom hui, thỏa thuận về hui với nguyên đơn nhưng trong các dây hui trên chị có tham gia gom hui, tính toán tiền hui với các hui viên khác. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, chị V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là nợ riêng của anh L, ông Đ hoặc giữa vợ chồng chị có thỏa thuận bằng văn bản được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền về việc thỏa thuận làm ăn, kinh doanh riêng và tự chịu trách nhiệm riêng đối với khoản nợ trên trong khi giữa anh L cùng chị vẫn tồn tại mối quan hệ vợ chồng nên buộc chị V cùng có trách nhiệm với ông Đ, anh L trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu số tiền 34.126.000 đồng nên ông Đ, anh L và chị V mỗi người phải nộp số tiền 11.375.000 đồng nhưng do ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên xét miễn án phí cho ông Đ còn chị V, anh L phải nộp. Đối với nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ, anh Huỳnh Văn L và chị Võ Cẩm V cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 753.150.000 đồng (bảy trăm năm mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Huỳnh Văn Đ cùng anh Huỳnh Văn L, chị Võ Cẩm V không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Huỳnh Văn Đ là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Anh Huỳnh Văn L và chị Võ Cẩm V, mỗi người phải nộp số tiền án phí là 11.375.000 đồng (mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng – chưa nộp).

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Ngày 09/7/2024, bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 17.203.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003691 được trả lại toàn bộ cho bà T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lâm Hoài Ân